TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 22/7/2018
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chí Cường**

Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX-ST ngày ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị T,** sinh năm: 1967.
Địa chỉ: số ...., Khu A, thị trấn P, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Huỳnh Thị Bé P**, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Khu A, thị trấn P, huyện T, tỉnh T.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Nguyễn Văn Bé N, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Khu B, thị trấn P, huyện T, tỉnh T.

Bảo hiểm xã hội huyện T
Địa chỉ: Khu D, thị trấn P, huyện T, tỉnh T.
Đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Hữu P**
Chức vụ: Giám đốc

- Bà T và chị P có mặt tại phiên tòa.
- Ông Bé N và đại diện Bảo hiểm xã hội huyện T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, Tờ tự khai cùng ngày 12/4/2019 nguyên đơn bà Lê Thị T xác định: Tôi và chị Huỳnh Thị Bé P là quen biết và ở cùng khu phố, nên tôi có cho P vay tiền nhiều lần như sau:

Ngày 01/3/2019 tôi có cho chị P vay số tiền vốn là 200.000.000đồng, lãi suất vay 5%/tháng, không hẹn thời gian trả khi nào tôi có nhu cầu thì lấy lại. Khi

vay chị P có làm biên nhận nợ và thế chấp cho tôi 01 giấy biên nhận bản chính ngày 30/4/2018 với nội dung ông Nguyễn Văn Bé N có nợ của chị P số tiền là 632.000.000đồng.

Ngày 01/4/2019 tôi có cho chị P vay 02 lần tiền: lần 1 vay 120.000.000đồng và lần 2 vay 100.000.000đồng. Tổng cộng số tiền vốn là 220.000.000đồng, lãi suất vay 5%/tháng, hẹn 03 ngày trả lại. Cả 02 lần vay chị P có làm biên nhận nợ và thế chấp cho tôi 01 giấy biên nhận bản chính ngày 30/4/2018 với nội dung ông Nguyễn Văn Bé N có nợ của chị P số tiền là 100.000.000đồng và một sổ Bảo hiểm xã hội bản gốc mang tên Huỳnh Thị Bé P do Bảo hiểm xã hội huyện T cấp.

Khi vay là do chị P trực tiếp hỏi vay, tôi giao và chị P nhận tiền tại nhà của tôi. Chị P có tự viết biên nhận và ký tên. Tổng cộng chị P vay của tôi 420.000.000đồng tiền vốn. Từ khi vay đến nay chị P không trả vốn lãi gì dù tôi có đòi nhiều lần. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho tôi số tiền vốn vay 420.000.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 01/7/2019 bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P xác định: Theo đơn khởi kiện của bà T xác định tôi có vay của bà T 420.000.000đồng như bà T trình bày là đúng sự thật. Nhưng hiện tại tôi đã trả bà T 100.000.000đồng, trả làm 02 lần, mỗi lần 50.000.000đồng, không có làm biên nhận. Trả của khoản tiền vay 200.000.000đồng ngày 01/3/2019. Do tôi còn thiếu tiền của bà T nên không có lấy lại biên nhận. Nếu tôi không trả tiền vay ngày 01/3 thì không có lý do gì ngày 01/4 bà T lại cho tôi vay tiền tiếp. Tất cả các giấy nợ hàng tháng tôi đã trả lãi cho bà T đủ và ghi lại giấy biên nhận mới.

Tôi xác định tôi chỉ còn nợ bà T số tiền vốn vay là 320.000.000đồng.

- Tại bản tự khai ngày 06/6/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn văn Bé N xác định: Trước đây tôi và Huỳnh Thị Bé P có mượn tiền qua lại với nhau, nhưng do bà P làm thất lạc giấy nợ, đến ngày 27/01/2019 tôi và bà P có viết giấy hủy bỏ các giấy nợ từ trước ngày 27/01/2019, nên các giấy nợ giữa tôi và bà P từ ngày 27/01/2019 trở về trước không còn giá trị.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Lê Thị T yêu cầu chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho bà số tiền vốn vay là 420.000.000đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tôi tự nguyện trả lại các giấy biên nhận nợ của ông Bé N và Sổ Bảo hiểm xã hội (bản gốc) cho chị P, khi chị P trả hết nợ tiền cho tôi.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vốn là 320.000.000đồng. Yêu cầu được trả trong thời hạn 10 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Lê Thị T tại phiên tòa, thì bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho bà số tiền vốn vay chưa trả là 420.000.000đồng và tiền lãi. Chị Huỳnh Thị Bé P hiện cư trú tại Khu A, thị trấn P, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 463 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn văn Bé N và đại diện Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn văn Bé N và đại diện Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Lê Thị T yêu cầu chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho bà số tiền vốn vay là 420.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị T là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Do quen biết nên vào ngày 01/3/2019 bà T có cho chị P vay số tiền vốn là 200.000.000đồng. Ngày 01/4/2019 bà T có cho chị P vay 02 lần tiền: lần 1 vay 120.000.000đồng và lần 2 vay 100.000.000đồng. Tổng cộng số tiền vốn là 420.000.000đồng, lãi suất vay 5%/tháng. Cả 02 lần vay chị P có làm biên nhận nợ và thế chấp cho bà T 02 giấy biên nhận bản chính ngày 30/4/2018 với nội dung ông Nguyễn Văn Bé N có nợ của chị P số tiền là 632.100.000đồng và số tiền là 120.660.000đồng và một sổ Bảo hiểm xã hội bản gốc mang tên Huỳnh Thị Bé P do Bảo hiểm xã hội huyện T cấp. Việc vay mượn này này chị P thừa nhận như bà T trình bày.

Như vậy có cơ sở kết luận chị P có vay của bà T 420.000.000 đồng tiền vốn là đúng sự thật. Bà T xác định sau khi vay chị P không có trả lãi và không trả vốn theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp và bà T khởi kiện yêu cầu chị P trả 420.000.000đồng. Chị P cho rằng chị đã trả bà T được 100.000.000đồng tiền vốn, trả làm 02 lần, mỗi lần 50.000.000đồng, không có làm biên nhận. Trả của khoản tiền vay 200.000.000đồng ngày 01/3/2019. Do chị còn thiếu tiền của bà T nên không có lấy lại biên nhận. Nếu chị không trả tiền vay ngày 01/3 thì không có lý do gì ngày 01/4 bà T lại cho chị vay tiền tiếp. Tất cả các giấy nợ hàng tháng chị đã trả lãi cho bà T đủ và ghi lại giấy biên nhận mới.

Xét thấy lời khai của chị P cho rằng đã trả cho bà T 100.000.000 đồng tiền vốn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ khi chị P vay tiền của bà T thì chị P có làm biên nhận, nhưng khi chị trả tiền thì lại không có giấy tờ hay chứng cứ gì để chứng minh, trong khi phía bà T không thừa nhận. Lời khai của chị P có nhiều mâu thuẫn, bởi lẽ chị khai "*Tất cả các giấy nợ hàng tháng chị đã trả lãi cho bà T đủ và ghi lại giấy biên nhận mới"*. Như vậy chị cho rằng chị trả 100.000.000đồng của khoản tiền vay 200.000.000đồng ngày 01/3/2019 nhưng không có lý do gì chị không buộc chị T làm biên nhận nhận tiền của chị, hay lấy lại biên nhận cũ và làm lại biên nhận mới với số tiền nợ còn lại là 100.000.000đồng. Từ đó cho thấy lời khai nại của chị P là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà T và chị P đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T cho rằng từ khi vay đến nay chị P không có trả và còn nợ tiền vốn là 420.000.000 đồng, lời khai của bà T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như giấy biên nhận vào ngày 01/3/2019 và 01/4/2019 do chị P viết và ký tên, nên có căn cứ xác định chị P có vay của bà T 03 lần với số tiền vốn tổng cộng là 420.000.000đồng đến nay chưa

trả như bà T đã xác định là đúng. Vì vậy bà T khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn vay là **420.000.000đồng** theo yêu cầu của bà T tại phiên tòa là phù hợp với điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Do bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về thời gian trả: Tại phiên Tòa hôm nay bà T yêu cầu chị P phải trả cho bà một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy chị P đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Bà T đã yêu cầu chị P trả tiền nhiều lần nhưng chị P vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà T. Chị P xin trả trong hạn 10 tháng nhưng không được bà T đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử buộc chị P phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn **420.000.000đồng** theo thời gian yêu cầu của bà T là phù hợp.

[5] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 23/4/2019 Tòa án có ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT với nội dung: Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự: Phong tỏa quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Bé P, gồm thửa đất sau: Thửa đất số 137, diện tích 15.000m^2, mục đích sử dụng đất LUA, do bà Huỳnh Thị Bé P đang đứng tên quyền sử dụng đất, số 02775; tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

Xét thấy các bên chưa thực hiện xong nghĩa vụ giao trả nợ, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và thi hành án Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/4/2019 của Tòa án. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 137, 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Đối với các giấy biên nhận nợ của anh Bé N và Sổ Bảo hiểm xã hội (bản gốc) do chị P đứng tên. Tại phiên tòa bà T đồng ý tự nguyện trả lại các giấy biên nhận nợ của anh Bé Nvà Sổ Bảo hiểm xã hội (bản gốc) cho chị P khi chị P trả hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

- Buộc chị Huỳnh Thị Bé P phải trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn vay là **420.000.000đồng** (bốn trăm hai mươi triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận bà Lê Thị T giao trả lại cho chị Huỳnh Thị Bé P các giấy tờ bản chính như sau: 01 (một) giấy biên nhận bản chính ngày 30/4/2018 với nội dung ông Nguyễn Văn Bé N có nợ của chị Huỳnh Thị Bé P số tiền là 632.100.000đồng; 01 (một) giấy biên nhận bản chính ngày 30/4/2018 với nội dung ông Nguyễn Văn Bé N có nợ của chị Huỳnh Thị Bé P số tiền là 120.660.000đồng và 01 (một) Sổ Bảo hiểm xã hội bản gốc mang tên Huỳnh Thị Bé P, Mã số: 5299030677 do Bảo hiểm xã hội huyện T cấp, khi chị Huỳnh Thị Bé P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Việc thay đổi, áp dụng bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 137, 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Bé P phải chịu 20.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 5.200.000 đồng theo biên lai thu số 19775 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và bị đơn được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn văn Bé N và đại diện Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Chí Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.